

TÌM HIỂU SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN TẠI XÃ LONG SƠN (TRƯỜNG HỢP NGHỀ LÀM MUỐI VÀ NUÔI HÀU)

Ngô Thanh Lâm⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Ngày nhận bài 7/03/2022; Ngày gửi phản biện 10/3/2022; Chấp nhận đăng 28/3/2022

Liên hệ Email: ntlam@nttu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.02.290>

Tóm tắt

Long Sơn là địa phương hội tụ đầy đủ các điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nghề làm muối và nuôi hàu nhờ vị trí gần biển, nhiệt độ ấm quanh năm và nồng độ muối phù hợp. Vì vậy, bên cạnh nghề làm muối đã có lịch sử lâu đời thì từ những năm 2000 trở lại đây, nuôi hàu cũng đã dần trở thành một phương thức sinh kế của nhiều hộ gia đình tại Long Sơn. Bài viết giúp làm rõ thêm về hai phương thức sinh kế chính của cư dân tại Long Sơn cũng như một số yếu tố tác động đến sự biến đổi cách thức thực hiện hai phương thức sinh kế này.

Từ khoá: làm muối, nuôi hàu, sinh kế

Abstract

LIVELIHOOD OF PEOPLE IN LONG SON (CASE STUDY OF SALT PRODUCTION AND OYSTER FARMING)

Long Son is a locality full of favorable natural conditions for the development of salt production and oyster farming due to its location near the sea, year-round warm temperatures and suitable salt concentrations. Therefore, besides salt production with a long history, from the 2000s onwards, oyster farming has become a livelihood method of many households in Long Son. The article helps to clarify more about the two main livelihood methods of residents in Long Son as well as some factors affecting the change in the implementation of these two livelihood methods.

1. Đặt vấn đề

Bài viết này dựa trên kết quả nghiên cứu tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về nghề làm muối và nuôi hàu của người dân ở Long Sơn. Hướng nghiên cứu trong bài viết này là tiếp cận sinh thái văn hóa trong nhân học kinh tế. Nghiên cứu sinh thái văn hóa trong nhân học kinh tế được ra đời khi một số học giả phương Tây muốn lý giải cho sự giống nhau giữa các nền văn hóa vốn được quy định bởi những điều kiện địa lý nhất định. Một trong những nhà nghiên cứu nổi bật trong tiếp

cận sinh thái văn hóa là Steward. Trong các nghiên cứu của mình, ông nhấn mạnh đến sự thích nghi của các nền văn hóa với các điều kiện của môi trường cụ thể. Thuyết nghiên cứu sinh thái văn hóa của ông cho rằng có một mối quan hệ sáng tạo và năng động giữa văn hóa và môi trường. Đó là mối quan hệ giữa công nghệ, tài nguyên và lao động. Lý thuyết này cho là các dạng thức lao động được sắp xếp theo chu kỳ thời vụ, phân công nhiệm vụ và sắp xếp, nỗ lực cùng nhau phần lớn phụ thuộc vào công nghệ sẵn có và bản chất nguồn tài nguyên sẽ khai thác. Những dạng thức lao động cũng tác động trở lại các thiết chế xã hội khác, bao gồm nguyên tắc cư trú, dòng họ, quy mô cộng đồng và vị trí cư trú. Lý thuyết của ông cũng cho thấy các xã hội mà công nghệ càng kém phát triển thì xã hội đó càng bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố môi trường và các nền văn hóa được định hình bởi nhiều yếu tố khác nhau chứ không phải chỉ có yếu tố môi trường và kỹ thuật. Tuy nhiên, tầm quan trọng của các yếu tố môi trường và kỹ thuật là điều không thể bỏ qua (Ngô Thị Phương Lan, 2013).

Trong nghiên cứu này, việc áp dụng lý thuyết sinh thái văn hóa là nhằm nhấn mạnh sự thích nghi của cư dân đối với môi trường sinh thái ở địa phương. Trước kia, khi các cây cầu Ba Nanh, Gò Găng và Chà Và chưa được xây dựng thì Long Sơn là một xã đảo cách biệt hoàn toàn với đất liền. Sự cách biệt lập về môi trường sống khiến cho cư dân trên đảo ít có cơ hội được tiếp xúc, trao đổi với các cộng đồng cư dân cư trú ở khu vực lân cận. Trong môi trường sống như thế, người dân đã tận dụng những tri thức sẵn có của cộng đồng để khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên và hình thành lên các nghề mang yếu tố văn hóa biển sâu sắc. Cuối thế kỷ XX trở về trước, nghề muối cùng với nghề đánh bắt thủy sản và nghề trồng lúa nước là những ngành có thể mạnh ở Long Sơn. Sự kết hợp đa dạng mang tính chu kỳ thời vụ giữa các nghề làm muối, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, trồng lúa, làm rẫy... minh chứng sống động cho quá trình thích nghi một cách chủ động, sáng tạo của con người với môi trường sinh thái nơi đây.

Nội dung nghiên cứu tập trung tìm hiểu về nghề làm muối và nuôi hàu của người dân Long Sơn nhằm hiểu rõ hơn về hai phương thức sinh kế này. Ngoài ra, thông qua những thông tin và dự án quy hoạch phát triển của địa phương, chúng tôi sẽ nêu lên khuynh hướng nghề muối và nghề nuôi hàu ở Long Sơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi giao thông liền mạch, trao đổi thông thương với các khu vực khác trở nên dễ dàng, thuận lợi thì cơ hội phát triển kinh tế của người dân cũng theo đó tăng lên. Người dân tại Long Sơn sẽ đứng trước những thách thức nào khi những dự án quy hoạch tổng thể của Nhà nước sẽ làm thay đổi cơ cấu nghề nghiệp cũng như làm nảy sinh các phương thức sinh kế mới và mất đi các phương thức sinh kế cũ.

2. Tổng quan về xã Long Sơn

Long Sơn là một xã trực thuộc thành phố Vũng Tàu với dân số là 14.812 người (năm 2010). Phía Đông giáp sông Dinh, phía Nam giáp xã Tân Hải – huyện Tân Thành, phía Bắc và Tây giáp biển. Nằm ở phía Bắc TP. Vũng Tàu, Long Sơn là xã duy nhất

trong cả nước trực thuộc thành phố. Xã gồm 11 thôn với tổng diện tích đất là 92km² trong đó có đến 54km² là đất liền, còn lại là đất ngập mặn. Theo thống kê của UBND xã Long Sơn, diện tích đất đã được sử dụng tính đến năm 2003 là 57km².

Tuy là xã thuộc thành phố Vũng Tàu và nằm cách thành phố biển không xa nhưng muốn đến Long Sơn bằng đường bộ thì chỉ có hai con đường chính, một là từ Vũng Tàu người ta phải đi dọc theo Quốc lộ 51 đến đường Trường Sa qua cầu Gò Găng và qua một cây cầu Chà Và mới đến trung tâm Long Sơn ngoài ra cũng có thể đến Long Sơn qua địa bàn thị xã Bà Rịa, xã Tân Hải (huyện Tân Thành) qua cầu Ba Nanh. Xã Long Sơn trước đây là một đảo nhỏ gồm 1 đảo chính nằm men theo triền của núi Nứa – cái tên đã từng được dùng làm địa danh cho cả hòn đảo, là đoạn cuối của dãy núi Phước Hoà đâm ra biển và đảo nhỏ là đảo Gò Găng.

Từ hàng ngàn năm trước đây, dưới chân cù lao Núi Nứa đã có con người sinh sống. Thông qua các cuộc khai quật khảo cổ học năm 2003 và 2005 tại di chỉ Giồng Lớn (thôn 3, thôn Rạch Già) và dựa vào các loại hình di vật như: đồ gốm, đồ trang sức, công cụ có niên đại cách nay khoảng 2.000-3.000 năm được tìm thấy, các nhà khảo cổ học cho rằng các di vật của Giồng Lớn Long Sơn có nhiều nét tương đồng với văn hóa Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Giồng Phệt, huyện Cần Giờ (TP. Hồ Chí Minh)... Các di chỉ khảo cổ học cũng cho thấy đời sống cư dân ở Long Sơn xưa kia đã phát triển tới một trình độ nhất định, có sự giao lưu văn hóa, kỹ thuật với nhiều cộng đồng cư dân khác từ rất sớm.

Về cư dân sinh sống tại Long Sơn, theo những tài liệu thu thập được, chúng tôi tạm chia làm ba nhóm dựa theo thời điểm các nhóm này di chuyển đến Long Sơn để sinh sống.

Nhóm thứ nhất là những người dân tới khai hoang, lập ấp ở khu vực phía Bắc của đảo núi Nứa. Họ chủ yếu làm nghề đánh bắt hải sản, khai phá ruộng rẫy, trồng cây ăn trái và khai thác lâm sản.

Nhóm thứ hai là nhóm lính thú được cử tới núi Nứa để đóng giữ, canh phòng cửa ngõ đi vào miền Đông Nam Bộ thời vua Minh Mạng (1820-1840). Sau khi giải ngũ, một số người đã xin ở lại theo chính sách “khuyến nông” của triều đình lúc đó. Họ đã khai phá đất đai, định cư lâu dài tại khu vực Bến Điệp (phía Nam) và Bến Đá (phía Bắc) của đảo. Hai khu vực này là những khu vực trũng, dễ tích tụ nước mưa, thuận lợi cho trồng trọt, đánh bắt hải sản và làm muối.

Nhóm thứ ba do Ông Trần – tên thật là Lê Văn Mưu (1855-1935) dẫn đầu. Nhóm này từ miền Tây Nam Bộ tới khai phá khu vực phía Nam đảo núi Nứa khoảng những năm 1900. Sau một thời gian, Ông Trần xin phép chính quyền địa phương quy dân lập ấp khai hoang khu vực đồng bà Cúc, cải tạo kênh dẫn nước mặn, mở mang diện tích đất làm muối, đánh bắt cá và buôn bán muối.

Hiện nay, xã Long Sơn xác định lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản vẫn đóng vai trò chiến lược, xã tập trung thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2929/QĐ-UBND, ngày 26/10/2016 của chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và

phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của xã. Triển khai các chương trình, dự án, hỗ trợ phát triển sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn do huyện, tỉnh, trung ương đầu tư. Phát triển nền nông nghiệp xanh, hướng tới nền nông nghiệp thông minh, tiếp cận, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

3. Sinh kế của cư dân Long Sơn

Hệ thống sinh kế của cư dân Long Sơn rất phong phú và đa dạng với nhiều ngành nghề kinh tế khác nhau như nghề đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản, nghề làm muối, nghề trồng lúa, du lịch và ngành nghề dịch vụ hỗ trợ khác. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ hai loại hình sinh kế đặc trưng của cư dân Long Sơn đó là nghề làm muối và nghề nuôi hàu.

3.1. Nghề làm muối

Diêm dân Long Sơn trước đây làm muối theo phương pháp phơi nước phân tán trên nền da rong. Da rong là lớp rong trên nền ô kết tinh được phơi khô, cán xẹp xuống tạo thành lớp da phủ trên bề mặt ruộng, cứng như nền xi măng, có tác dụng như một màng polyme sinh học dày khoảng 0,5-1cm. Với phương pháp này, hạt muối to và trắng hơn. Khoảng 10 năm trở lại đây, để tận dụng sức lao động trong gia đình cũng như để sản lượng muối đạt hiệu quả hơn, đa số diêm dân chuyển sang làm ruộng Ba Tri lại.

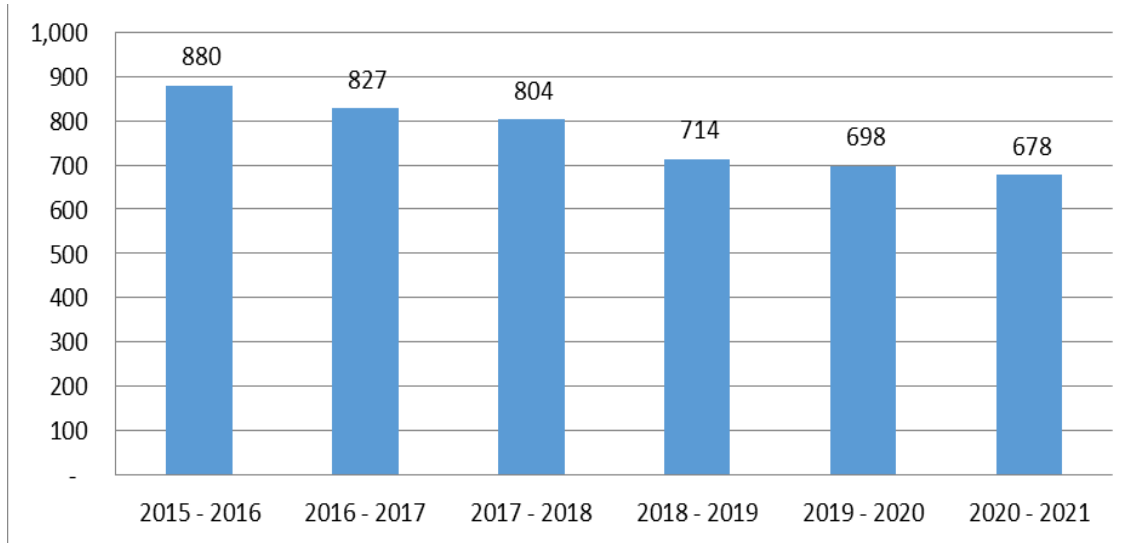
Ông Nguyễn Hoàng Minh (thôn 7, xã Long Sơn) cho biết, điểm cơ bản khiến cách làm muối da rong khác với thông thường là lớp nền đất của ruộng muối. Đối với cách làm muối thông thường, các ô ruộng có nền là lớp đất được lu phẳng và cứng nên sau mỗi vụ, diêm dân lại phải thực hiện vệ sinh ô ruộng, lu phẳng đất. Trong khi đó, với phương thức làm muối da rong, từ đầu niên vụ, công đoạn đầu tiên cần thực hiện là tạo nên lớp nền da rong trong các ô ruộng. Ông Minh cho biết: “Khoảng đầu tháng 9 đến tháng 10 Âm lịch, diêm dân sẽ dùng trang tước để dọn dẹp lớp sinh kết lại trong các ô dung kết tinh muối sau mùa mưa, tiếp đó sẽ phơi ô kết tinh cho thiệt khô (thường sẽ mất khoảng 02 đến 03 ngày - TG). Sau đó diêm dân sẽ dùng ống lặn để lặn nền ruộng muối cho thật cứng và phẳng rồi sau đó sẽ bơm nước mặn vào ô ruộng. Tùy theo nắng nhiều hay ít (thường sau khoảng từ 20 đến 30 ngày – TG), mặt nền ruộng sẽ kết thành một lớp da rong (đây là lớp màu trắng bạc trên nền ô kết tinh được phơi khô, phủ trên bề mặt ô ruộng, cứng như nền xi măng và có tác dụng như một màng sinh học dày khoảng 1cm”.

Sau khi đã có lớp da rong, diêm dân sẽ đưa nước mặn từ ô kết tinh này đưa sang ô kết tinh khác rồi phơi khô nền ô kết tinh. Tiếp theo, dùng ống lặn để lặn nền ô kết tinh cho thật cứng, thật phẳng. Đây là công đoạn khó khăn nhất, vất vả nhất, đòi hỏi diêm dân phải có kinh nghiệm và kỹ thuật tốt. Sau khi lặn cứng rồi, diêm dân đưa nước có độ mặn cao ở sân phơi cuối cùng vào phơi để lấy muối.

Trong lứa đầu nước biển còn nhạt nên mỗi ha chỉ thu được 1 đến 2 ô kết tinh. Sang lứa thứ 2, lượng nước ngoài sân phơi độ mặn đã cao hơn nên có thể thu được muối ở 3 đến 4 ô kết tinh. Từ lứa thứ 3 trở đi thì có thể thu hoạch được tất cả muối ở các ô kết tinh. Giai đoạn tháng 2, tháng 3 âm lịch là thời điểm nắng nhiều, gió thuận lợi, nước dưới sông độ mặn cũng ổn định nên diêm dân bận rộn nhất, muối cào trung bình mỗi ngày được 1 ô. Ô kết tinh diện tích 300m² lứa đầu thu hoạch được khoảng 600kg đến 800kg muối. Các lứa sau thì lượng muối nhiều hơn. Khi nước có độ mặn ổn định, mỗi ô có thể thu hoạch tới 2,5 tấn.

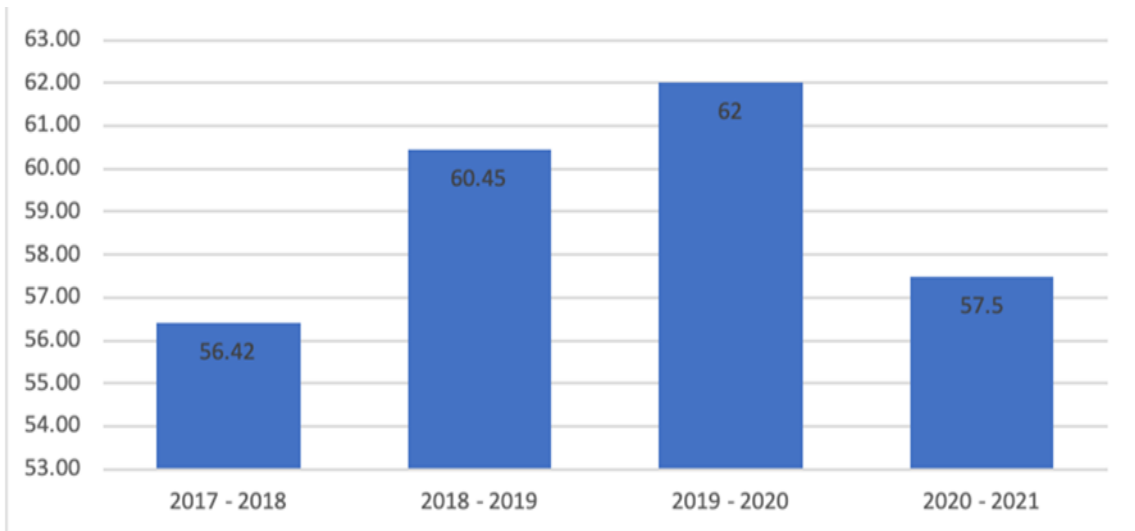
Theo diêm dân, làm muối bằng hình thức da rong có nhiều ưu điểm so với thông thường. Ông Trương Văn Toàn (thôn 7, xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu) cho biết, “sau khi làm được lớp da rong, việc làm đất, công đoạn vát và nhất trong sản xuất muối sẽ nhẹ nhàng hơn. Theo đó, thay vì phải làm lại, lu phẳng đất sau từng vụ muối như thông thường, phương thức sản xuất muối da rong chỉ làm đất duy nhất đầu niên vụ. Nhờ có lớp da rong cứng, bền nên sau mỗi vụ muối diêm dân chỉ cần dọn sạch ruộng là có thể làm vụ tiếp theo. Lớp da rong cũng góp phần làm cho nền đất sạch hơn nên muối sản xuất bằng phương pháp này có chất lượng cao, trắng sạch, nặng và có giá hơn so với muối sản xuất thông thường”.

Nghề làm muối tại Long Sơn luôn có sự biến động về diện tích sản xuất, sản lượng và số lượng lao động do nhiều lý do khách quan và chủ quan.



Hình 1. Diện tích sản xuất muối tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu qua các năm
(Đơn vị tính hecta)

Trong đó, diện tích đất sản xuất muối toàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tính chung ngày càng giảm qua các năm (xem hình 1) từ đó dẫn đến sản lượng muối hàng năm của toàn tỉnh cũng sụt giảm tương ứng với diện tích đất sản xuất muối đã giảm (xem hình 2). Diện tích sản xuất và sản lượng muối ở Long Sơn trong những năm trở lại đây cũng liên tục sụt giảm theo tình hình chung của toàn tỉnh.



Hình 2. Sản lượng muối tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu qua các năm (Đơn vị tính: nghìn tấn)

Nguồn: Tổng hợp số liệu báo cáo tại hội nghị thường niên về sản xuất muối tại Bà Rịa – Vũng Tàu (2015-2021)

Thị trường tiêu thụ muối còn phụ thuộc rất nhiều vào thương lái, vào ngành chế biến hải sản và sản xuất nước mắm. Những năm muối trong nước trúng mùa với sản lượng cao thì giá muối lại thấp nên diện tích và số hộ làm muối năm sau sẽ giảm xuống. Những năm muối trong nước mất mùa hoặc ngư dân trúng mùa cá cơm để làm nước mắm thì giá muối lại tăng cao làm cho diện tích và số hộ diêm dân năm sau đó lại tăng lên. Do giá bán thất thường nên một bộ phận diêm dân chuyển sang các phương thức sinh kế khác như nuôi hàu, nuôi trồng thủy sản... hoặc làm thêm các công việc khác để tăng thu nhập. Theo tính toán, trung bình mỗi hộ diêm dân có hai người làm trong nghề muối thì những gia đình có nhiều đàn ông làm muối hoặc có diện tích đất làm muối từ 1 ha đất trở lên cũng như kết hợp nghề muối với nghề nuôi hàu và nuôi trồng thủy sản thì có kinh tế ổn định hơn. Những hộ gia đình không có hoặc nam giới không phải là lao động chính trong nghề muối hoặc diện tích làm muối ít hơn 1 ha thì thu nhập từ nghề muối chỉ tạm đủ sống.

Bên cạnh đó nghề làm muối phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tự nhiên và mang tính thời vụ. Các tác động của quá trình biến đổi khí hậu đang ngày càng diễn biến thất thường. Trong những năm gần đây thường xuất hiện nhiều cơn mưa trái mùa gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất muối, đặc biệt là gây thiệt hại lớn trên diện tích muối đến thời điểm thu hoạch.

Những lao động chuyên làm muối thường mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp như các bệnh liên quan đến hệ xương khớp do làm việc nặng, cảm nắng do làm việc ngoài đồng muối vào thời gian nắng nhiều nhất trong ngày là buổi trưa, hoặc bị đau bao tử do giờ giấc ăn uống thất thường, công việc không ổn định mà làm theo thời vụ... Đặc biệt, thế hệ con em của các hộ diêm dân hiện nay rất ít người muốn tiếp tục theo nghề của cha mẹ vì họ cho rằng làm muối vừa nặng nhọc, vừa vất vả nhưng thu nhập không tương xứng với công sức bỏ ra cũng như công việc này phụ thuộc nhiều vào các

yếu tố thiên nhiên. Vì vậy, họ mong muốn thay đổi một công việc khác do có điều kiện theo đuổi con đường học vấn ở các cấp học cao hơn.

Hiện nay, phần lớn đồng muối ở Long Sơn đang thu hồi và đền bù để xây dựng các dự án phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh như: xây dựng dự án lọc hóa dầu Long Sơn cùng các khu dịch vụ phụ trợ và khu vực dự trữ mở rộng tại khu công nghiệp dầu khí Long Sơn với diện tích hơn 1340 ha, xây dựng sân bay Gò Găng tại đảo Gò Găng với diện tích gần 250 ha và một số dự án đang quy hoạch tại xã Long Sơn gồm dự án nhà máy đóng tàu Wonill Vina, khu tái định cư 61 ha, khu công nghiệp địa phương với diện tích khoảng 20 ha. Trong những năm tới, diện tích đất làm muối ở Long Sơn sẽ bị thu hẹp dự kiến chỉ còn khoảng vài chục ha, đây sẽ là một thách thức lớn đối với nghề làm muối ở Long Sơn.

3.2. Nghề nuôi hàu

Hàu là một loài động vật rộng nhiệt, rộng muối, sống bám lên nền đá, vách đá ven bờ biển hoặc các cửa sông, nơi có dòng chảy và thủy triều thường xuyên lên xuống, có thực vật phù du phong phú làm thức ăn.

Trong môi trường tự nhiên, hàu có 2 đặc tính quan trọng, đó là:

+ Lọc sinh học (Biofilter): với số lượng phát triển mạnh mẽ của các loài hàu trong thiên nhiên, hàng tỷ con được phân bố khắp các vùng biển và đại dương. Nhờ vào khả năng lọc sinh học, chúng đã góp phần xử lý làm sạch các cặn bã hữu cơ, hạn chế ô nhiễm môi trường.

+ Loài chủ chốt (Keystone species): Ở góc độ toàn cầu, hàu là sinh vật có vai trò quan trọng trong việc duy trì tính đa dạng sinh học và sự thành công của một chuỗi hệ sinh thái trong đại dương, chúng có thể được xem như một “sinh vật sản xuất” cung cấp nguồn thức ăn dồi dào cho một chuỗi “sinh vật tiêu thụ” hay nói cách khác, chúng là “vật làm môi” để duy trì sự cân bằng giữa một số loài trong tự nhiên.

Nhờ vị trí gần biển, nhiệt độ ấm quanh năm và nồng độ muối phù hợp nên Long Sơn có điều kiện tự nhiên thuận lợi để nuôi hàu. Ngoài ra, xã Long Sơn còn có diện tích rừng ngập mặn lớn, nơi đây có nhiều sinh vật phù du là thức ăn tự nhiên cho hàu. Nhận thấy những thuận lợi đó nên từ năm 2000, một số hộ dân ở Long Sơn đã bắt đầu thả bè nuôi hàu trên sông Chà Và.

Thời gian mới bắt đầu nuôi, hầu hết người nuôi hàu sử dụng giống tự nhiên, thường gọi là hàu đá (hay có cách gọi khác là hàu bản địa). Với hình thức nuôi này, người nuôi sẽ thả vật bám như cọc tre, gỗ, lốp xe cũ... vào khoảng từ tháng 1 hàng năm để hàu tự nhiên bám. Phương pháp nuôi này phụ thuộc gần như hoàn toàn vào con giống và chịu tác động của nhiều yếu tố tự nhiên; nhất là môi trường nước bị ô nhiễm sẽ làm cho mật độ hàu bám không cao, thậm chí có những hộ thả vật bám cả năm mà không thấy hàu bám. Sau thời gian khoảng 12 tháng người nuôi sẽ tiến hành thu hoạch hàu thương phẩm và để lại khoảng 10-15% sản lượng hàu để tham gia vào quá trình sinh sản giúp hỗ trợ cho việc đảm bảo nguồn hàu giống cho vụ nuôi sau.

Từ năm 2014, người dân tại Long Sơn bắt đầu bỏ dần mô hình nuôi hàu đá truyền thống để chuyển sang nuôi hàu Thái Bình Dương (sau khi loại hàu này được nhân giống thành công và nuôi theo quy trình sinh thái). Nuôi hàu Thái Bình Dương treo trên bè đơn hoặc treo kết hợp trên bè nuôi cá, vốn đầu tư không nhiều, không phải cung cấp thức ăn.

Theo số liệu thống kê từ Chi cục Thủy sản của tỉnh năm 2020, diện tích nuôi hàu Thái Bình Dương hiện nay đang phát triển mạnh tại Long Sơn với 120 hộ thả nuôi thương phẩm, trung bình khoảng 2.000m²/hộ, sản lượng hàng năm đạt khoảng 2.000 tấn (loại 20-30 con/kg). Hàu chủ yếu được sử dụng dưới dạng ăn sống cùng với Wasabi hoặc ớt lò chín thái nửa mảnh vỏ nên cần dạng hàu có tên gọi là hàu sữa, tức khi con hàu được nuôi khoảng 12 tháng tuổi, tuyến sinh dục căng phồng có màu trắng sữa, chuẩn bị đẻ, thịt hàu lúc bấy giờ có vị béo, mùi thơm, thịt nhiều, màu sắc đẹp, kích thước vừa phải, đồng cỡ, hình dạng bên ngoài gọn, đẹp, hấp dẫn và bắt mắt khi bày lên bàn tiệc. Do đó, để có nguồn hàu sữa sử dụng quanh năm nhằm đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, trên địa bàn tỉnh hiện có 7 cơ sở sản xuất hàu giống, mỗi năm cung cấp cho người nuôi hàu thương phẩm khoảng 10.000.000 giá thể có hàu giống bám. Điều này giúp người nuôi hàu chủ động được nguồn giống nuôi gối đầu qua từng tháng theo tiến độ mỗi tháng xuống giống một lần.

Nhiều năm qua, Long Sơn là một vựa hàu cung cấp cho Vũng Tàu và các vùng phụ cận. Tháng 6/2016, hàu Long Sơn được Cục Sở hữu trí tuệ cấp nhãn hiệu chứng nhận bảo hộ tại Quyết định 36447/QĐ-SHTT nên thương hiệu hàu Long Sơn càng được nhiều người tiêu dùng quan tâm, tin tưởng sử dụng.

Nhiều hộ dân ở xã đảo Long Sơn đầu tư nuôi hàu và có kinh tế gia đình tốt hơn nhờ loại thủy sản này. Ông Nguyễn Văn Tuấn, ấp 8, xã Long Sơn cho biết, ông bắt đầu nuôi hàu Thái Bình Dương từ năm 2015-2016, đến nay đã có vài chục lồng bè. Mỗi tháng ông xuất bán từ 2,5-3 tấn hàu thương phẩm, với giá dao động từ 25-50 ngàn đồng/kg (tùy loại), sau khi trừ chi phí thu lãi gần 100 triệu đồng.

4. Kết luận

Nghề làm muối và nghề nuôi hàu là sinh kế chủ yếu của người dân ở Long Sơn. Nghề làm muối phụ thuộc nhiều rất nhiều vào các yếu tố thiên nhiên và giá cả đầu ra của sản phẩm không ổn định. Trong quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu định hướng đến năm 2030, đất làm muối ở Long Sơn sẽ còn rất ít do các dự án quy hoạch sử dụng đất đai xây dựng khu lọc hóa dầu, khu tái định cư và xây dựng sân bay. Vì vậy, chính quyền địa phương sẽ cần có những chính sách hỗ trợ đối với các hộ dân bị ảnh hưởng như: hỗ trợ vốn để cơ giới hóa nghề làm muối, trọng đó quan trọng nhất là định hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp. Nếu trước đây khi giá muối xuống thấp thì diêm dân chuyển từ làm muối sang nuôi hàu hoặc làm công việc khác có nguồn thu nhập cao hơn và ngược lại. Thì trong bối cảnh hiện nay, khi diện tích làm muối ngày càng thu hẹp thì nuôi hàu là một lựa chọn phù hợp để các chuyển đổi ngành nghề. Đây

một nghề có vốn đầu tư thấp, kỹ thuật nuôi đơn giản, ít tốn công chăm sóc, ít rủi ro, lợi nhuận thu được trên lượng vốn bỏ ra tương đối cao. Bên cạnh đó, đối với nghề nuôi hào, rừng càng rậm rạp, càng phong phú phù du phiêu sinh vật làm thức ăn cho hào, nghề nuôi Hào chỉ nuôi dọc theo cửa sông, kênh rạch ven các bìa rừng, đầm, phá, nơi có mực nước thủy triều thường xuyên lên, xuống góp phần tích cực phục hồi môi trường sinh thái các khu rừng ngập mặn. Nghề nuôi hào còn giúp mở ra một triển vọng tốt trong việc góp phần phục hồi môi trường sinh thái rừng ngập mặn đang bị tàn phá do tác động của con người và của do biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối (2013). Dự thảo báo cáo tổng hợp quy hoạch phát triển ngành muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
- [2] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bà Rịa – Vũng Tàu. Báo cáo hội nghị thường niên về sản xuất muối tại Bà Rịa – Vũng Tàu (2015-2021).
- [3] Trương Thị Thu Hằng (2012). Làm vì Ông: Tôn giáo và du lịch tại đảo Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 6(166), 58-69.
- [4] Ngô Thị Phương Lan (2013). *Nhân học đại cương (Chương 7: Kinh tế)*. NXB. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Phan Huy Lê (Chủ biên) (2011). *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ*. Hội khoa học lịch sử Việt Nam.
- [6] Thạch Phương – Nguyễn Trọng Minh (Chủ biên) (2005). *Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu*. NXB Khoa học xã hội.
- [7] Nguyễn Văn Tuấn (Chủ biên) (2013). *Giáo trình nuôi hào thương phẩm*. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.